

Số: 1980/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tỉ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để tính phí bảo vệ môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 441/TTr-STNMT ngày 17/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tỉ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để tính phí bảo vệ môi trường như sau:

STT	Tên mỏ, loại khoáng sản	Tỉ lệ khoáng sản có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai	
1	Chì kẽm Pác Á, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	- Chì kẽm	0,99897
		- Vàng	0,000025
		- Bạc	0,001005

STT	Tên mỏ, loại khoáng sản	Tỉ lệ khoáng sản có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai	
2	Chì kẽm Sáo Sào, thị trấn Nà Phặc và xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	- Chì kẽm	0,99995
		- Vàng	0,000049
3	Chì kẽm Nà Quán, xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	- Chì kẽm	0,99971
		- Bạc	0,000288
4	Chì kẽm Cốc Chặng, thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn	- Chì kẽm	0,99953
		- Vàng	0,000006
		- Bạc	0,000464
5	Chì kẽm Cốc Lót, thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn	- Chì kẽm	0,99706
		- Vàng	0,000069
		- Bạc	0,002867
6	Kẽm chì Chợ Điện, huyện Chợ Đồn	- Chì kẽm	0,99677
		- Bạc	0,000272
		- Cadimi	0,00232
		- Lưu huỳnh	0,00034
		- Indium	0,00030
7	Chì kẽm Phia Đăm - Khuổi Mạn, xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm	- Chì kẽm	0,99965
		- Vàng	0,000003
		- Bạc	0,000351
8	Chì kẽm Nà Tùm, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn (quặng ô xít theo Quyết định số 1111/QĐ-HĐTLQG ngày 23/10/2018)	- Chì kẽm	0,10891
		- Sắt	0,67335
		- Mangan	0,21774

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản các mỏ khoáng sản nêu trên có nghĩa vụ phải kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định của pháp luật về thuế, phí về khoáng sản.

3. Trường hợp có phát sinh mỏ mới, hoặc có sự thay đổi liên quan đến các tỉ lệ khoáng sản nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, kịp thời đề xuất phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quyết định này đảm bảo phù hợp và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình